TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **424 /**2020/HNGĐ-ST
Ngày 08/8/2020
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**: Bà Nguyễn Thị Thu Trang**

- Các Hội thẩm nhân dân**: Bà Đỗ Thị Hằng Huệ và Bà Phạm Thị Kim Dung**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa**: Bà Phạm Thị Thanh Phương – Thư ký Tòa án**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên Tòa**: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng** –Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 356/ 2020/TL -HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 về : "Tranh chấp xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 224/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Cao Thị Ánh T, sinh năm 1987**

HKTT: P103 H1 tập thể UBKHXH&NV, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Nơi ở : Căn 12 b, tầng 3, T18 timecity 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

*** Bị đơn: Anh Nguyễn Vũ V, sinh năm 1981;**

HKTT và ở: P103H1 tập thể UBKHXH&NV, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(chị T có mặt, anh V có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn: Chị Cao Thị Ánh T trình bày:

- **Về tình cảm**: Chị Cao Thị Ánh T và anh Nguyễn Vũ V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có qua tìn hiểu có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Hạ Sơn, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An vào ngày 09/8/2010.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng về chung sống tại địa chỉ: P103H1 tập thể UBKHXH&NV, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội là nhà của bố, mẹ đẻ anh V

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V mắc nghiện ma túy, gia đình chồng và chị T đã nhiều lần đưa anh V đi cai nghiện, nhưng sau khi cai về một thời gian thì anh V lại mắc nghiện lại, dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, xô xát nhau. Thời điểm này chị T bị nghi vấn mắc ưng thư phổi, phải luôn chạy chữa thuốc men, sức khỏe suy yếu . Do anh V mắc nghiện và gia đình khó khăn về kinh tế, nên anh V gửi chị T và con chung của anh chị về bên ngoại ở Nghệ An để bố ,mẹ đẻ chị Nguyệt chăm sóc. Trong thời gian chị T ở Nghệ An, anh V còn có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, và từng đưa cô này về nhà để chung sống thì bị bố, mẹ chồng chị không đồng ý. Đến năm 2014, anh V vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân quận Tây Hồ xử phạt 18 tháng tù về tội: " Tàng trữ trái phép chất ma túy" nên phải đi chấp hành án tại trại giam Thanh xuân I. Sau khi anh V ra tù, sức khỏe của chị T đã hồi phục nên vợ chồng lại quay về sống cùng nhau , được vài tháng thì chị T mang thai lần thứ 2, tuy nhiên anh V lại bắt chị bỏ thai vì anh nói không có khả năng nuôi con, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, xô xát, anh V thường bạo hành chị , có lần anh V đánh đập chị đến mức phải đi cấp cứu.

Đến năm 2017, anh V bị Công an phường Vĩnh Phúc bắt đưa đi cai nghiện bắt buộc 06 tháng. Trong thời gian anh đi cai nghiện chị T vẫn vào thăm nom tiếp tế, tuy nhiên khi chị đến thăm gặp anh V đe dọa về giết chị nên chị sợ không vào thăm nữa. Sau đó chị T cũng không ở lại nhà của gia đình chồng nữa mà thuê một căn nhà gần đó để ở. Trước khi anh V cai nghiện về thì chị T chuyển vào Sài Gòn sinh sống và làm việc.

Sau khi anh V đi cai nghiện về , chị T và anh V có vài lần nói chuyện qua điện thoại để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, nhưng anh V không đồng ý ký đơn thuận tình ly hôn. Vì anh V hay đe dọa đánh, giết chị, nên chị sợ không dám gặp và làm đơn đơn phương xin ly hôn ra Tòa án quận Ba Đình.

Đến tháng 5/2020 , chị T mang con về ở nhờ nhà người quen tại địa chỉ: Căn 12 b, tầng 3, T18 timecity 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cho đến nay.

Nay chị T xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V

- **Về con chung**: Chị CaoThị Ánh T và anh Nguyễn Vũ V có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương Linh, sinh ngày 06/ 02/ 2011. Hiện cháu đang ở cùng chị T.

Khi ly hôn, chị T xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện chị T đang làm việc tại Công ty TNHH dược mỹ phẩm Luiántt Korea, thu nhập hàng tháng là 15.000.000 đồng.

- **Về tài sản chung, nhà ở chung**: Vợ chồng tự không có tài sản chung , nhà ở chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về công nợ**: Vợ chồng không cùng vay nợ ai và không cùng cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Vũ V trình bày:

- **Về tình cảm**: Anh Nguyễn Vũ V xác nhận lời trình bày của chị T về quá trình tìm hiểu dẫn tới hôn nhân của vợ chồng anh là hoàn toàn đúng.

Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống ở nhờ nhà của bố, mẹ anh V tại địa chỉ: P103H1 tập thể UBKHXH&NV, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Về mâu thuẫn của vợ chồng: Anh V xác nhận quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V mắc nghiện ma túy, anh đã cai nghiện tự nguyện 6 tháng, nên hiện không còn nghiện nữa. Ngoài mâu thuẫn này thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn ngoài việc đôi khi vợ chồng bất đồng quan điểm, có duy nhất 1 lần anh V có tát vợ 1 cái. Sau khi anh V đi cai nghiện về mới biết chị T bỏ nhà đi, anh đã liên lạc với chị T nhưng chị T từ chối không gặp.

Nay chị T xin ly hôn, anh V không muốn ly hôn vì sợ con cái cái thiếu thốn tình cảm của bố,mẹ , tuy nhiên bản thân anh cũng chưa có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn, cải thiện tình cảm vợ chồng . Tuy nhiên sau một thời gian suy nghĩ lại anh thấy khả năng đoàn tụ của vợ chồng không có, do vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu, anh V cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn, nên anh nhất trí đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

- **Về con chung**: Anh Nguyễn Vũ V xác nhận vợ chồng có 01 con chung là: Nguyễn Phương Linh, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2011. Hiện cháu đang ở cùng chị T.

Khi ly hôn, anh V đồng ý để chị T được nuôi con chung và tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000đồng / tháng. Hiện anh V đang làm việc cho 1 công ty

nước uống tại địa chỉ số 4 Phúc Tân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, thu nhập trung bình từ 5.000.000 đến 7.000.000 đồng / tháng.

- **Về tài sản chung, nhà ở chung**: Vợ chồng tự không có tài sản chung , nhà ở chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về công nợ**: Vợ chồng không cùng vay nợ ai và không cùng cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Nguyễn Vũ V, anh V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án*:**

**Về tố tụng*: - Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán , Hội đồng xét xử sơ thẩm, thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ Luật Tố Tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định.

- Về thời hạn xét xử: Vụ án giải quyết trong thời hạn theo luật định

* Ý kiến của đại diện viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 56; Điều 58; Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và các khoản 5a Điều 27 số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Cao Thị Ánh T; Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Cao Thị Ánh T và anh Nguyễn Vũ V.

- Về con chung: Chị Cao Thị Ánh T và anh Nguyễn Vũ V có 01 con chung là Nguyễn Phương Linh, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2011.

Cháu Linh có nguyện vọng ở với mẹ, do vậy đề nghị: Giao con chung chị T xin được nuôi dưỡng, anh V có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000đồng / tháng, cho đến khi con chung thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác của pháp luật. Anh Nguyễn Vũ V có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh V xác nhận vợ chồng không có tài sản chung , nhà ở chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

- Về khoản nợ chung : Anh V xác nhận vợ chồng không cùng vay nợ ai và không cùng cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí LHST: Chị Cao Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

* **Về tố tụng**: Tòa án thụ lý vụ án: " Tranh chấp xin ly hôn" giữa nguyên đơn: chị Cao Thị Ánh T đối với bị đơn: và anh Nguyễn Vũ V là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Anh Nguyễn Vũ V có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Vũ V.

* **Về nội dung**:

[1]. Chị T và anh Nguyễn Vũ V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có qua tìm hiểu, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Hạ Sơn, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An vào ngày 09/8/2010, đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại địa chỉ: P103H1 tập thể UBKHXH&NV, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội là nhà của bố, mẹ đẻ anh V

[3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Mâu thuẫn của vợ chồng chị T và anh V phát sinh vào năm 2012 , nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V mắc nghiện ma túy, gia đình anh V và chị T đã nhiều lần cho anh đi cai nghiện nhưng sau một thời gian thì anh V lại mắc nghiện lại, dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng xảy ra cãi vã, xô xát nhau, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay, mỗi người một nơi. Gia đình nội, ngoại hai bên đã khuyên giải cả hai, nhưng không có kết quả.

Xét thấy: Cả chị T và anh V đều xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đều nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Cao Thị Anh T. Do anh Nguyễn Vũ V có quan điểm đồng ý ly hôn, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Cao Thị Ánh T và anh Nguyễn Vũ V

[4] Về con chung: Chị Cao Thị Ánh T và anh Nguyễn Vũ V có 01 con chung là: Nguyễn Phương Linh, sinh ngày 06/02/2011. Hiện cháu Linh đang ở với chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh V cũng nhất trí giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Phương Linh đã đủ tuổi hỏi ý kiến, cháu Linh có nguyện vọng ở với chị T, do vậy Hội đồng xét xử thấy việc giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Linh cũng như quan điểm của cả chị T và anh V.

Về trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Chị Cao Thị Ánh T không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung, tuy nhiên việc anh V tự nguyện đóng góp tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng / tháng thì chị T cũng nhất trí, không có ý kiến gì. Do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận việc tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung của anh V là 2.000.000 đồng / tháng, kể từ tháng 8/2020 cho đến con chung thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác của pháp luật. Anh Nguyễn Vũ V có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

[5] Về tài sản chung, nhà ở chung: Hai bên xác nhận vợ chồng không có tài sản chung , nhà ở chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

[6]Về khoản nợ chung: Hai bên xác nhận vợ chồng không cùng vay nợ ai và không cùng cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí LHST: Chị Cao Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Cao Thị Ánh T và anh Nguyễn Vũ V có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Quan điểm của đại diện viện Kiểm sát nhân dân quận Ba Đình đối với việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, Điều 58; Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 điều 39; Điều144; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Điều 27 khoản 5a Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Cao Thị Ánh T

Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Cao Thị Ánh T và anh Nguyễn Vũ V

2.Về con chung: Chị Cao Thị Ánh T và anh Nguyễn Vũ V có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương Linh, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2011.

Giao cháu Nguyễn Phương Linh cho chị Cao Thị Ánh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Vũ V có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000đồng (Hai triệu đồng)/ tháng, kể từ tháng 8/2020 cho đến khi con chung thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác của pháp luật.

Anh Nguyễn Vũ V có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Hai bên xác nhận vợ chồng không có tài sản chung , nhà ở chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

4. Về khoản nợ chung: Hai bên xác nhận vợ chồng không cùng vay nợ ai và không cùng cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

5. Về án phí LHST: Chị Cao Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0024618 ngày 08/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Cao Thị Ánh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Vũ V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Viện Kiểm Sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi cục THADS quận Ba Đình;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;
- UBND xã Hạ Sơn, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Thu Trang